

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 05/QuangQuan/2024

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH QUANG QUÂN

Địa chỉ: KCN Đồng Văn 1, Bạch Thượng, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 0226.2474363. Fax: 0226.3583050.

E-mail: congtyquangquan@gmail.com.

CÔNG BỐ:

Sản phẩm: Ly nhựa, hũ nhựa PP

Xuất xứ: CÔNG TY TNHH QUANG QUÂN

Địa chỉ: KCN Đồng Văn 1, Bạch Thượng, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 0226.2474363. Fax: 0226.3583050.

E-mail: congtyquangquan@gmail.com.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/QuangQuan/2024

I. Thông tin tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH QUANG QUÂN**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Đồng Văn 1, Bạch Thượng, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 0226.2474363.

Fax: 0226.3583050.

E-mail: congtyquangquan@gmail.com.

Mã số doanh nghiệp: 0700252570 ; Ngày cấp lần 1: 19/03/2020

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Tổ chức không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại điểm e, khoản 1, điều 12 Nghị định số 15/2018-NĐ-CP của Chính phủ.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Ly nhựa, hũ nhựa PP**

2. Thành phần: Hạt PP nguyên sinh, RPP, hạt màu;

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 36 tháng kể từ ngày sản xuất;

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách đóng gói: số lượng theo yêu cầu của khách hàng (phụ lục đính kèm);

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói thành từng túi PE, có dán nhãn cho từng bao theo từng mã sản phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

CÔNG TY TNHH QUANG QUÂN

Địa chỉ sản xuất 1: KCN Đồng Văn 1, Bạch Thượng, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;

Địa chỉ sản xuất 2: KCN Đồng Văn 2, Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Mẫu nhãn sản phẩm theo phụ lục đính kèm

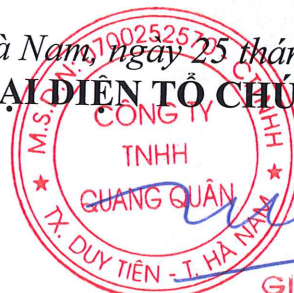
IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Công ty TNHH Quang Quân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: QCVN 12-1:2011/BYT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh về bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hà Nam, ngày 25 tháng 10 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



GIAM ĐOC

Nguyễn Thành Tuấn

25257

ÔNG T

TNHH

ANG Q

TIÊN -

Phụ lục 1: Mẫu nhãn sản phẩm



CÔNG TY TNHH QUANG QUÂN

Địa chỉ: KCN Đồng Văn 1, Bạch Thượng, Duy Tiên, Hà Nam

ĐT: 0226 247 4363 - 0226 358 3530



Tên hàng hóa: Ly nhựa, hũ nhựa PP

Mã sản phẩm	:		Số lượng:		Cái
Nơi sản xuất	:	Địa điểm 1 - KCN Đồng Văn 1, Bạch Thượng, Duy Tiên, Hà Nam ☐			
	:	Địa điểm 2 - KCN Đồng Văn 2, Duy Minh, Duy Tiên, Hà Nam ☐			
Ngày sản xuất	:				
Thời hạn sử dụng	:	36 tháng từ ngày sản xuất;			
Thành phần	:	Hạt PP nguyên sinh, RPP, hạt màu;			
Thông số Kỹ thuật	:				
Hướng dẫn bảo quản	:	Bảo quản nơi khô ráo, không để nơi có nhiệt độ cao trên 60°C;			
Hướng dẫn sử dụng	:	Dùng để chứa, đựng thực phẩm (sử dụng một lần);			
Thông tin cảnh báo	:	Không sử dụng chứa các loại thực phẩm nóng trên 100°C;			
Sản phẩm phù hợp	:	QCVN 12-1:2011/BYT;			
Tự công bố số	:	05/QuangQuan/2024.			

Phụ lục 2: Mã sản phẩm

STT	Mã	Chỉ số sản phẩm đóng gói
1.	2TP5NPPBD0001	1 Thùng = 500 Cái
2.	2TP5NPPBD0002	1 Thùng = 1.000Cái
3.	2TP5NPPBN0003	1 Thùng = 500 Bộ
4.	2TP5NPPCT0004	1 Bao = 1.000 Cái
5.	2TP5NPPCT0006	1 Bao = 2.710 Cái
6.	2TP5NPPCT0013	1 Bao = 2.000 Cái
7.	2TP5NPPKH0003	1 Bao = 8 kg
8.	2TP5NPPLY0000	1 Bao = 1.000 Cái
9.	2TP5NPPLY0001	1 Bao = 1.000 Cái
10.	2TP5NPPLY0002	1 Bao = 1.000 Cái
11.	2TP5NPPLY0003	1 Bao = 1.000 Cái
12.	2TP5NPPLY0004	1 Bao = 1.000 Cái
13.	2TP5NPPLY0005	1 Bao = 1.000 Cái
14.	2TP5NPPLY0006	1 Bao = 1.000 Cái
15.	2TP5NPPLY0007	1 Bao = 1.000 Cái
16.	2TP5NPPLY0008	1 Bao = 1.000 Cái
17.	2TP5NPPLY0009	1 Bao = 1.000 Cái
18.	2TP5NPPLY0010	1 Bao = 1.000 Cái
19.	2TP5NPPLY0011	1 Bao = 1.000 Cái
20.	2TP5NPPLY0012	1 Bao = 1.000 Cái
21.	2TP5NPPLY0013	1 Bao = 1.000 Cái
22.	2TP5NPPLY0014	1 Bao = 1.000 Cái
23.	2TP5NPPLY0015	1 Bao = 1.000 Cái
24.	2TP5NPPLY0016	1 Bao = 1.000 Cái
25.	2TP5NPPLY0017	1 Bao = 1.000 Cái
26.	2TP5NPPLY0018	1 Bao = 1.000 Cái
27.	2TP5NPPLY0019	1 Bao = 1.000 Cái
28.	2TP5NPPLY0020	1 Thùng = 1.000 Cái
29.	2TP5NPPLY0027	1 Bao = 1.000 Cái
30.	2TP5NPPLY0028	1 Bao = 1.000 Cái
31.	2TP5NPPLY0029	1 Bao = 1.000 Cái
32.	2TP5NPPLY0030	1 Bao = 1.000 Cái
33.	2TP5NPPLY0031	1 Bao = 1.000 Cái
34.	2TP5NPPLY0032	1 Bao = 1.000 Cái
35.	2TP5NPPLY0033	1 Bao = 1.000 Cái

STT	Mã	Chỉ số sản phẩm đóng gói
36.	2TP5NPPLY0034	1 Bao = 1.000 Cái
37.	2TP5NPPLY0035	1 Bao = 1.000 Cái
38.	2TP5NPPLY0036	1 Thùng = 1.000 Cái
39.	2TP5NPPLY0037	1 Thùng = 1.000 Cái
40.	2TP5NPPLY0038	1 Bao = 10 kg
41.	2TP5NPPLY0039	1 Thùng = 500 Cái
42.	2TP5NPPLY0040	1 Thùng = 1.000 Cái
43.	2TP5NPPLY0041	1 Thùng = 1.000 Cái
44.	2TP5NPPLY0042	1 Thùng = 500 Cái
45.	2TP5NPPLY0043	1 Thùng = 500 Cái
46.	2TP5NPPLY0044	1 Thùng = 1.000 Cái
47.	2TP5NPPLY0045	1 Thùng = 2.400 Cái
48.	2TP5NPPLY0046	1 Thùng = 2.400 Cái
49.	2TP5NPPLY0047	1 Thùng = 500 Cái
50.	2TP5NPPLY0048	1 Bao = 1.000 Cái
51.	2TP5NPPLY0049	1 Bao = 1.000 Cái
52.	4TP5NPPBD0003	1 Thùng = 500 Cái
53.	4TP5NPPBD0004	1 Thùng = 500 Cái
54.	4TP5NPPBD0005	1 Thùng = 500 cái
55.	4TP5NPPBN0001	1 Thùng = 500 Bộ
56.	4TP5NPPBN0002	1 Thùng = 500 Bộ
57.	4TP5NPPLY0036	1 Thùng = 1.000 Cái
58.	4TP5NPPLY0046	1 Thùng = 2.400 Cái
59.	4TP5NPPLY0050	1 Thùng = 1.000 Cái

Số/No: 24/TN4/1436/05

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- | | |
|---|--|
| 1. Tên mẫu thử/ Name of sample: | Cốc nhựa PP |
| 2. Khách hàng/ Customer: | Công ty TNHH Quang Quân |
| 3. Số lượng mẫu/ Quantity: | 10 cái |
| 4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: | 30/07/2024 |
| 5. Tình trạng mẫu/ Status of sample: | Mẫu trong túi nilon |
| 6. Thời gian thử nghiệm/ Test duration: | Từ ngày/ From: 30/07/2024 đến ngày/ To: 14/08/2024 |
| 7. Ngày hoàn thành/ Completion date: | 14/08/2024 |

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức tham khảo Limits (**)	Kết quả Results
1	Hàm lượng Chì	µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT + ICP MS	< 100	3,1
2	Hàm lượng Cadimi	µg/g	"	< 100	KPH (LOD =1,0)
3	Hàm lượng cặn khô: Điều kiện ngâm: (*)		QCVN 12-1:2011/BYT		
	. 60°C, 30 phút, trong nước	µg/ml	"	≤ 30	KPH (LOD =5,0)
	. 60°C, 30 phút, trong axit axetic 4%	µg/ml	"	≤ 30	< 15,0 (LOQ =15,0)
	. 60°C, 30 phút, trong etanol 20%	µg/ml	"	≤ 30	KPH (LOD =5,0)
	. 25°C, 60 phút, trong n-heptan	µg/ml	"	≤ 30	KPH (LOD =5,0)
4	Tổng kim loại nặng quí ra Pb (Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30phút trong axit axetic 4%)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 1,0	< 1,0
5	Lượng KMnO ₄ sử dụng: (*) (Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30phút trong nước)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 10	KPH (LOD =1,0)

KPH: không phát hiện

(*): Chỉ tiêu đã được công nhận VILAS

(**): Mức tham khảo: QCVN12-1:2011/BYT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

**TRƯỞNG PHÒNG
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM**
 Head of Lab

Nguyễn Trần Quân

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

GIÁM ĐỐC
 Director

PHÓ GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
 This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24/TN4/1436/05

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

